TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2019/HNGĐ-ST Ngày: 17-4-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 881/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Vũ A, sinh năm 1985 (Vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lương Thị Vũ A trình bày:

Bà A và ông Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND phường P, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2008, ngày 03/3/2008.

Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trên nhiều vấn đề. Hai vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, không hòa hợp, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 4/2018, bà A đã nộp đơn xin ly hôn với ông C nhưng vì con còn nhỏ và muốn tạo cơ hội để gia đình đoàn tụ nên bà A đã xin rút đơn. Tuy nhiên, thời gian qua giữa hai vợ chồng không có sự thay đổi. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà A và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Tường V, sinh ngày 06/11/2008. Bà A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C thống nhất với lời trình bày của bà A về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, mâu thuẫn trong gia đình. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Ông C vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C và bà A có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Tường V, sinh ngày 06/11/2008. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông C thống nhất để bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Vũ A có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở

để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lương Thị Vũ A khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn C. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Văn C đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị Vũ A vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03/3/2008, bà Lương Thị Vũ A và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, bà A xác định giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trên nhiều vấn đề. Hai vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, không hòa hợp, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 4/2018, bà A đã nộp đơn xin ly hôn với ông C nhưng vì con còn nhỏ và muốn tạo cơ hội để gia đình đoàn tụ nên bà A đã xin rút đơn. Tuy nhiên, thời gian qua giữa hai vợ chồng không có sự thay đổi, ông C nhiều lần xúc phạm, dùng bạo lực đối với bà A. Từ đầu năm 2018 đến nay, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Theo kết quả xác minh tại nơi bà A và ông C chung sống thể hiện: Từ năm 2018, ông C và bà A đã không còn chung sống với nhau, chỉ có bà A và con gái đang sống với nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông C cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và có xúc phạm bà A nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương yêu vợ con. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà A và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông C 01 con chung tên Nguyễn Vũ Tường V, sinh ngày 06/11/2008. Khi ly hôn bà A có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con, ông C cũng đồng ý giao con cho bà A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Vy cũng có nguyện vọng được sống chung với bà A. Vì vậy, yêu cầu của bà A về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lương Thị Vũ A phải chịu số tiền 300.000 đồng; ông C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Vũ A về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Vũ A được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

1.2. Về con chung: Bà Lương Thị Vũ A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Vũ Tường V, sinh ngày 06/11/2008.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị Vũ A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033285 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung